TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 12-Phòng Tổ chức - Lao động tiền lương

Tháng 5 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương Chủ nhật		Lương phép		Lương 100%		Giờ PN	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ						Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương		HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**103**		**46.093.050**					**5**	**1.496.309**	**85.500**	**0,30**	**417.000**	**48.091.859**	**2.565.100**	**481.100**	**320.900**	**481.000**	**220.000**		**4.068.100**	**44.023.759**	
1	HL-00027	Trần Hoàng Dương	Trưởng phòng	7.882.000	26	A	13.158.450					1	303.154				13.461.604	630.600	118.300	78.900	134.600	55.000		1.017.400	12.444.204	
2	HL-00028	Đặng Thị Miều	Phó phòng	8.865.000	26	A	11.850.300					1	340.962	85.500			12.276.762	709.300	133.000	88.700	122.800	55.000		1.108.800	11.167.962	
3	HL-00029	Nguyễn Văn Thỏa	Phó phòng	6.843.000	25	A	10.542.150					2	526.385		0,30	417.000	11.485.535	547.500	102.700	68.500	114.900	55.000		888.600	10.596.935	
4	HL-03444	Nguyễn Hoài An	Phó phòng	8.471.000	26	A	10.542.150					1	325.808				10.867.958	677.700	127.100	84.800	108.700	55.000		1.053.300	9.814.658	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**448**		**143.296.100**	**2**	**645.000**	**40**	**9.496.616**	**20**	**4.679.421**	**393.500**			**158.510.637**	**9.233.200**	**1.732.000**	**1.155.200**	**1.585.500**	**1.045.000**	**57.200**	**14.808.100**	**143.702.537**	
5	HL-00197	Hoàng Văn Chính	Chuyên viên	7.516.000	26	A	8.684.900	1	352.000			1	289.077				9.325.977	601.300	112.800	75.200	93.300	55.000		937.600	8.388.377	
6	HL-00030	Đặng Văn Tuyên	Chuyên viên	6.264.000	18	A	7.237.100	1	293.000	8	1.927.385	1	240.923				9.698.408	501.200	94.000	62.700	97.000	55.000	28.600	838.500	8.859.908	
7	HL-00077	Đoàn Duy Kháng	Chuyên viên	6.264.000	25	A	7.237.100					2	481.846				7.718.946	501.200	94.000	62.700	77.200	55.000		790.100	6.928.846	
8	HL-00455	Nguyễn Thị Bích Hà	Chuyên viên	5.966.000	19	A	7.237.100			7	1.606.231	1	229.462	71.400			9.144.193	477.300	89.500	59.700	91.400	55.000		772.900	8.371.293	
9	HL-02660	Lê Viết Quốc Anh	Chuyên viên	5.154.000	26	A	7.237.100					1	198.231				7.435.331	412.400	77.400	51.600	74.400	55.000		670.800	6.764.531	
10	HL-00088	Lê Bá Duy	Chuyên viên	6.264.000	21	A	8.684.900					1	240.923				8.925.823	501.200	94.000	62.700	89.300	55.000		802.200	8.123.623	
11	HL-01771	Nguyễn Hạnh Lâm	Chuyên viên	6.578.000	18	A	7.237.100			8	2.024.000	1	253.000	75.400			9.589.500	526.300	98.700	65.800	95.900	55.000		841.700	8.747.800	
12	HL-02627	Nguyễn Ngọc Hiếu	Chuyên viên	5.154.000	26	A	7.237.100					1	198.231				7.435.331	412.400	77.400	51.600	74.400	55.000		670.800	6.764.531	
13	HL-00318	Trần Thị Hải Ninh	Chuyên viên	6.264.000	26	A	8.684.900					1	240.923	62.600			8.988.423	501.200	94.000	62.700	89.900	55.000		802.800	8.185.623	
14	HL-01770	Nguyễn Thị Hương	Chuyên viên	6.264.000	18	A	7.237.100			8	1.927.385	1	240.923	75.400			9.480.808	501.200	94.000	62.700	94.800	55.000		807.700	8.673.108	
15	HL-03133	Vũ Hoàng Phúc	Chuyên viên	5.154.000	26	A	7.237.100					1	198.231	52.200			7.487.531	412.400	77.400	51.600	74.900	55.000		671.300	6.816.231	
16	HL-00480	Vũ Trọng Tiếng	Chuyên viên	5.682.000	26	A	7.237.100					1	218.538				7.455.638	454.600	85.300	56.900	74.600	55.000		726.400	6.729.238	
17	HL-03206	Nguyễn Văn Thịnh	Chuyên viên	5.682.000	26	A	7.237.100					1	218.538				7.455.638	454.600	85.300	56.900	74.600	55.000		726.400	6.729.238	
18	HL-05128	Nguyễn Văn Hiền	Chuyên viên	7.892.000	26	A	7.237.100					1	303.538				7.540.638	631.400	118.400	79.000	75.400	55.000		959.200	6.581.438	
19	HL-01923	Trần Trung Dũng	Chuyên viên	5.682.000	19	A	8.684.900			7	1.529.769	1	218.538				10.433.207	454.600	85.300	56.900	104.300	55.000	28.600	784.700	9.648.507	
20	HL-03523	Đinh Việt Hà	Chuyên viên	6.264.000	26	A	7.237.100					1	240.923				7.478.023	501.200	94.000	62.700	74.800	55.000		787.700	6.690.323	
21	HL-00166	Mã Thành Trung	Chuyên viên	5.682.000	26	A	7.237.100					1	218.538				7.455.638	454.600	85.300	56.900	74.600	55.000		726.400	6.729.238	
22	HL-00193	Lê Thị Hải Yến	Chuyên viên	6.264.000	24	A	7.237.100			2	481.846	1	240.923	56.500			8.016.369	501.200	94.000	62.700	80.200	55.000		793.100	7.223.269	
23	HL-02703	Nguyễn Trung Đức	Chuyên viên	5.411.000	26	A	7.237.100					1	208.115				7.445.215	432.900	81.200	54.200	74.500	55.000		697.800	6.747.415	
Tổng cộng					**551**		**189.389.150**	**2**	**645.000**	**40**	**9.496.616**	**25**	**6.175.730**	**479.000**	**0,30**	**417.000**	**206.602.496**	**11.798.300**	**2.213.100**	**1.476.100**	**2.066.500**	**1.265.000**	**57.200**	**18.876.200**	**187.726.296**	

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 6 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**